

Bản án số: 149/2026/HS-ST
Ngày 14/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân.**
à Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Ngọc Tây**
2. Bà **Nguyễn Thùy Dương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 147/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, S năm 1997; tại: tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: **Thôn P, phường N, tỉnh Khánh Hòa** nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Phạm Văn V** (đã chết) con bà **Nguyễn Thị Y** – Sinh năm 1969; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 17/10/2025 tại Phân trại tạm giam **N** – Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh K**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn T1, S năm 1995; tại: tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: **Xóm S, xã N, tỉnh Nghệ An**; Chỗ ở hiện nay: **Thôn P, phường N, tỉnh Khánh Hòa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Lê Văn M** (đã chết) con bà con bà **Nguyễn Thị T2** – sinh năm 1959; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 17/10/2025 tại Phân trại tạm giam **N** – Trại tạm giam số 1 **Công an tỉnh K**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Bùi Ngọc S1** – sinh năm 2001
Nơi thường trú: **TDP P, phường N, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt
2. **Nguyễn Phương N** – sinh năm 1995
Nơi thường trú: **TDP P, phường N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt
3. Bà **Ngô Thị Ngọc Á**

Nơi thường trú: TDP P, phường N, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 16/06/2021, tổ công tác của Đ công an thành phố N tiến hành kiểm tra quán cà phê Thường S2, tại đường L, xã P, thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa, phát hiện Lê Văn T1 đang tổ chức ghi cá cược dưới hình thức cá độ bóng đá được thua bằng tiền. Tại thời điểm kiểm tra, Trương đang tổ chức đánh bạc bằng hình thức ghi cá cược bóng đá trận đấu vòng loại Euro 2020 giữa Nga – Phần Lan cho 05 người (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Cụ thể: “anh T3” (không rõ lai lịch) cá cược với tổng tiền đánh bạc là 6.300.000 đồng (đặt cược: 5.500.000 đồng, đã thắng cược: 800.000 đồng); “anh T4” (không rõ lai lịch) cá cược với tổng tiền đánh bạc là 2.100.000 đồng (đặt cược: 1.800.000 đồng, thắng cược: 300.000 đồng); “chị H” (không rõ lai lịch) cá cược với tổng tiền đánh bạc là 900.000 đồng (đặt cược: 700.000 đồng, thắng cược: 200.000 đồng), 02 khách không rõ lai lịch cá cược với tổng số tiền đánh bạc là 2.300.000 đồng (đặt cược: 1.300.000 đồng, đã thắng cược: 1.000.000 đồng). Tổng số tiền các con bạc trên đánh bạc trận bóng giữa Nga – Phần Lan là 11.600.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ: 01 laptop nhãn hiệu Acer màu đen; 01 cuốn tích giấy ghi kèo đá bóng, màu hồng; 01 điện thoại di động Forme màu đen và số tiền 3.950.000 đồng.

Qua làm việc, Lê Văn T1 khai nhận: Từ ngày 12/6/2021, T1 và Phạm Văn T muốn lấy tài khoản bóng đá về để thực hiện việc ghi kèo đá banh cho khách vào mua giải chung kết Euro nên T liên hệ với Nguyễn Phương N thì được N giao cho Phạm Văn T 01 tài khoản cá độ bóng qua mạng internet, đường link bong88.com với tên đăng nhập V39980M08003, mật khẩu: Bbbb1111, sau đó đổi thành V39981408001, mật khẩu: Tttt9999, với hạn mức là 1000 điểm, một điểm là 40.000 đồng, tổng số tiền trong tài khoản là 40.000.000 đồng để tổ chức đánh bạc, tính tiền thắng thua vào thứ hai hàng tuần. Sau khi nhận trang mạng từ N, T nâng tỷ lệ mỗi điểm lên 50.000 đồng và thuê Lê Văn T1 tổ chức ghi cá cược cho khách.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn T đã thừa nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 290/GĐ-GT/2022/KL-KTHS ngày 30/7/2022 của Phòng K - Công an tỉnh K đối với chữ viết và chữ ký của Lê Văn T1 trên tài liệu 01 cuốn phơi tích bìa màu hồng kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Văn T1" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký mang tên "Lê Văn T1" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ viết ghi nội dung trên tờ được đánh số 3 (ở dòng 9 đến dòng 12); tờ được đánh số 4 (ở dòng 1 đến dòng G, dòng 9, 10); tờ được đánh số 11 (ở dòng 1 đến dòng 3); tờ được đánh số 12 (ở dòng 1 đến dòng 4); tờ được đánh số 23 (ở dòng 5 đến dòng 14); tờ được đánh số 26 (ở dòng 3 đến dòng 5); tờ được đánh số 27 (ở dòng 1 đến dòng 7); tờ được đánh số 28 (ở dòng 1 đến dòng 8) và tờ được đánh số 29 (ở dòng 1 đến dòng 9) mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên "Lê Văn T1" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết ghi nội dung trên tờ được đánh số 1, 2; tờ được đánh số 3 (ở dòng 1 đến dòng 8, dòng 13); tờ được đánh số 4 (ở dòng 8, 11, 12); tờ được đánh số 5, 6, 7, 8, 9, 10; tờ được đánh số 11 (ở dòng 4 đến dòng 7); tờ được đánh số 12 (ở dòng 5

đến dòng 8); tờ được đánh số 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22; tờ được đánh số 23 (dòng 1 đến dòng 4); tờ được đánh số 24, 25; tờ được đánh số 26 (ở dòng 1, 2); tờ được đánh số 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên "Lê Văn T1" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2. M3 mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên "Lê Văn T1" trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

* Đồ vật, tài liệu thu giữ:

- 01 laptop nhãn hiệu Acer màu đen, số tiền 3.960.000 đồng (đã được giải quyết tại Bản án số 120/2025/HS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa).

- 01 điện thoại di động Forme màu đen.

Cáo trạng số 110/CT-VKSKV1-KH ngày 10/01/2026 Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa truy tố **Phạm Văn T**, **Lê Văn T1** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** và **Lê Văn T1** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Sau khi vụ án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà **Ngô Thị Ngọc Á** là vợ của bị cáo **Lê Văn T1** đã nộp thay mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 đồng vào Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa nhằm khắc phục hậu quả. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định bổ sung bà **Á** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời

khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở để kết luận: Ngày 16/6/2021, tại quán C, đường L, phường N, tỉnh Khánh Hòa, tổ công tác của Đ công an thành phố N phát hiện Phạm Văn T và Lê Văn T1 sử dụng tài khoản cá độ bóng qua mạng internet trên đường link bong88.com với tên đăng nhập V39980M08003 sau đó đổi thành V39981408001 tổ chức đánh bạc cho 05 người với tổng số tiền đánh bạc là 11.600.000 đồng.

Như vậy, Cáo trạng số 110/CT-VKSKV1 ngày 10/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Khánh Hòa truy tố bị cáo Phạm Văn T và Lê Văn T1 về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng và là một trong những nguyên nhân dẫn tới các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung,

Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên mang tính chất giản đơn. Các bị cáo rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo T5 đồng ý sử dụng quán sử dụng quán cà phê của mình là nơi để cho bị cáo Trương trực T6 thực hiện hành vi đánh bạc cùng các con bạc nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau, đều cần phải xử lý nghiêm.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân đều chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo đều là trụ cột chính trong gia đình, hiện có hai con nhỏ, vì nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật hai bị cáo đã tác động người nhà nộp mỗi bị cáo bị cáo 20.000.000 đồng vào cơ quan thi hành án nhằm khắc phục hậu quả. Xét đây là ý chí tự nguyện của hai bị cáo nộp tiền vào ngân sách nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Về căn cứ quyết định hình phạt:

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Phạm Văn T và Lê Văn T1 mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác trong vụ án này bị cáo T và bị cáo T1 đã bị tạm giam từ 17/10/2025 cho đến nay tại Phân trại tạm giam N – Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh K, với thời gian bị tạm giam trên cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục chính bản thân hai bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho hưởng án treo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Vấn đề khác trong vụ án:

Đối với hành vi của **Nguyễn Phương N** đã bị xét xử tại Bản án số 120/2025/HS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

Đối với đối tượng “anh **T3**” (chưa xác định được nhân thân lai lịch) có hành vi đánh bạc với số tiền 6.300.000 đồng, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh K** tiếp tục điều tra làm rõ, khi có căn cứ sẽ giải quyết theo quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 laptop nhãn hiệu Acer màu đen, số tiền 3.960.000 đồng (đã được giải quyết tại Bản án số 120/2025/HS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa).

- Tịch thu, sung quỹ 01 điện thoại di động Forme màu đen của bị cáo **T1**.

- Đối với tài liệu mỗi bị cáo tự nguyện nộp 20.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả vào cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước vì hành vi vi phạm pháp luật của mình. Xét đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo nên ghi nhận.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Phạm Văn T**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo **Lê Văn T1**

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

1. Xử phạt:

- Bị cáo **Phạm Văn T** 03 (Ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

- Bị cáo **Lê Văn T1** 03 (Ba) năm tù về tội “*Đánh bạc*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo **Phạm Văn T**, bị cáo **Lê Văn T1** cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi cấp xã (phường) thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân (Nơi người được hưởng án treo cư trú)

có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự - **Công an tỉnh K** để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung quỹ 01 điện thoại di động Forme màu đen.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh K** và Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

- Sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 20.000.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 0001082 ngày 11/5/2026 (Người nộp thay **Ngô Thị Ngọc Á**) tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa

- Sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 20.000.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 0001083 ngày 11/5/2026 (Người nộp thay **Ngô Thị Ngọc Á**) tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Bị cáo **Phạm Văn T**, bị cáo **Lê Văn T1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Bị cáo, NTGTT;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Án văn; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cát Hoàng Trân